

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ H  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/9/2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lê Thị Hoa**

Ông **Nguyễn Lơn**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 344/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Hằng N** – Sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ dân phố P Phú 2, phường G, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn P** – Sinh năm 1980

Nơi cư trú: Tổ dân phố P Phú 2, phường G, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Bùi Thị Hằng N trình bày:* Bà và ông Trần Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường G. Quá trình chung sống không hạnh phúc xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên hay kình cãi nhau. Từ đầu tháng 11/2020 bà và ông P đã tự ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông P có một con chung tên P, sinh ngày 26/10/2018. Ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 10/9/2021- bị đơn ông Trần Văn P trình bày:* Ông và bà Bùi Thị Hằng N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường G. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì mâu thuẫn cá nhân ngày càng lớn, không tìm được tiếng nói chung và đã tự ly thân 01 năm. Nay ông không còn yêu thương bà N nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà N.

Về con chung: Ông và bà N có một con chung tên P, sinh ngày 26/10/2018. Ông đồng ý giao con chung cho bà N nuôi và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn P.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Ông Trần Văn P có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P Phứ 2, phường G, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà N yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông P nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hằng N và ông Trần Văn P tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường G, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, cấp ngày 21 tháng 12 năm 2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Hằng N và ông Trần Văn P là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa nên từ tháng 11/2020 vợ chồng đã tự ly thân với nhau. Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 10/9/2021, ông P cũng thừa nhận vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm và đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà N.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà N và ông P không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Hằng N là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung:

Bà N và ông P có một con chung tên P, sinh ngày 26/10/2018. Bà N trình bày hiện nay con chung đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu P còn nhỏ và tại đơn vắng mặt thể hiện ý kiến của ông P đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con

hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung P, sinh ngày 26/10/2018 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Bùi Thị Hằng N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hằng N được ly hôn với ông Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu P, sinh ngày 26/10/2018 cho bà Bùi Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Hằng N và ông Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Hằng N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003973 ngày 01/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;

**phiên tòa**

- VKSND thị xã H;

- THADS thị xã H;

- UBND phường G;

(GCNKH số 73/2017 ngày 21/12/2017);

- Các đương sự;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa**

**Phạm Huỳnh Tường Viên**